

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 29/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Phạm Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Na- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2024/TLST-DS ngày 12/12/2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 08/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P (H5) ;

Trụ sở chính: B N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số Doanh nghiệp : 0300608092.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Duy K. Chức vụ : Giám đốc chi nhánh H6.

Người đại diện theo uỷ quyền lại : Bà Đinh Thị Hải H- Chuyên viên quan hệ khách hàng phòng G ; địa chỉ : Số H Đ, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Ông Đỗ Đức T1- Chuyên viên xử lý nợ- Trung tâm xử lý nợ M1 ; địa chỉ : Số A N, phường H, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Ông Hồ Mạnh H1- chức vụ- Trưởng bộ phận KHCN phòng G ; địa chỉ : Số A Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Ông Trịnh Ngọc H2- chức vụ- Giám đốc H5 phòng G ; địa chỉ : Số C N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

*** Bị đơn:**

- Bà Đặng Thị M, sinh năm 1985 ; địa chỉ : Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Số Căn cước công dân : 030185012723.

- Ông Lê Minh H3, sinh năm 1982 ; địa chỉ : Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Số căn cước công dân : 030082000857.

(Đều vắng mặt)

*** Người làm chứng :**

- Chị Nguyễn Thị N ; địa chỉ : Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 07/4/2022, bà Đặng Thị M, ông Lê Văn H4 đã ký hợp đồng tín dụng số 10135/22MB/HĐTD với Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố P- chi nhánh H6 (sau đây viết tắt H7). Nội dung của Hợp đồng như sau: Bà M, ông H4 vay của H7 số tiền nợ gốc là 800.000.000đ; thời gian vay 12 tháng từ ngày 09/4/2022 đến ngày 08/4/2024 ; lãi suất trong hạn 09%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Bên nhận nợ được H5 giải ngân tiền vay, sau 3 tháng lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần hoặc theo quy định của H7 ; mục đích sử dụng vốn : Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng sơn, bột bả các loại. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, H7 đã giải ngân ông H4, bà M số tiền nợ gốc, ký khế ước nhận nợ số 10135/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 08/4/2022.

Kể từ ngày 20/3/2023 bà Đặng Thị M, ông Lê Văn H4 không thực hiện trả khoản lãi cho H7. Ngày 10/4/2023 khi đến thời hạn của Hợp đồng tín dụng đã ký đã bắt đầu quá hạn đối với khoản nợ gốc. Ngày 01/5/2023, bà M, ông H4 trả khoản nợ gốc 75đ ; nợ gốc còn lại là 799.999.925đ. Phía Ngân hàng đã nhiều lần gửi thư đề nghị thanh toán, làm việc với bà Đặng Thị M (bà M nhận thông báo cho ông H4) thông báo khởi kiện nhưng bà M, ông H4 không thanh toán khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 561005, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận :

CH00117 do UBND thành phố H cấp ngày 08/3/2022 đối với thửa đất 77, tờ bản đồ số 37; địa chỉ: Khu T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương đứng tên bà Đặng Thị M. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 10135/22MB/HĐBĐ ngày 07/4/2022, đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 07/4/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Do ông H4, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc lãi còn lại. Nếu ông H4, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì H7 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông H4, bà M có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng bằng nguồn thu và tài sản hợp pháp khác. Ngân hàng N2 kết quả xem xét thẩm định tại chỗ.

* Bị đơn là bà M trình bày và nhất trí toàn bộ lời khai của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng vay, nội dung hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản, thời gian nhận tiền vay, số tiền đã trả nợ gốc, lãi như đã nêu trên. Toàn bộ tài sản thế chấp là thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà M, không liên quan đến ai khác. Từ khi thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng đến nay, không có sự biến động nào về tài sản. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn nên bà đề nghị Ngân hàng xem xét bán tài sản thế chấp của bà để trừ hết khoản nợ gốc, nợ lãi theo như Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, bà không có nghĩa vụ trả thêm khoản tiền nào khác. Nếu Ngân hàng không đồng ý phương án này thì bà đề nghị Ngân hàng cứ xử lý tài sản thế chấp theo như thoả thuận đã ký. Bà và ông H4 đã ly hôn vào năm 2024, bà xác định đây là nợ riêng, tuy nhiên trong quyết định ly hôn chưa giải quyết về nợ chung. Bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Bà nhất trí kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

* Ông H4 hiện nay đang cư trú, sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện T. Theo như gia đình cung cấp ông H4 đi làm xa nên bà Nguyễn Thị N là vợ của ông H4 nhận văn bản tố tụng thay cho ông H4 và cam đoan giao tận tay ông H4. Bà N1 trình bày ông H4 biết việc khởi kiện của Ngân hàng H7, ông xác định khi còn chung sống với bà M có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên, thế chấp bằng tài sản của bà M. Ông H4, bà M đã thống nhất bà M có nghĩa vụ trả nợ nhưng chưa giải quyết về nợ chung khi giải quyết ly hôn. Nay bà M chưa trả nợ cho Ngân hàng thì việc xử lý tài sản thế chấp là việc của Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đó là việc của Ngân hàng vì ông đã ly hôn với bà M và không có điều kiện trả nợ.

* Tại Quyết định số 117/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn H4, bà Đặng Thị M, ngoài ra không giải quyết nội dung nào khác.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, không có biến động từ khi thế chấp tài sản đến nay. Diện tích khi xem xét thẩm định tại chỗ phù hợp với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất.

* Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã thẩm định tại chỗ, kết quả xác định như sau: Toàn bộ diện tích đất, tài sản trên đất được thể hiện trên sơ đồ hiện trạng thửa đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã nêu trên. Nay Ngân hàng đề nghị bà M, ông H4 trả số nợ gốc, lãi còn lại tính đến hết ngày 29/5/2025 là 1.150.405.319đ (trong đó nợ gốc là 799.999.925đ; nợ lãi trong hạn là 5.584.605đ; nợ lãi quá hạn là 344.820.789đ). Ngân hàng yêu cầu bà M, ông H4 cùng có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán theo như Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng không đồng ý ý kiến bà M về việc một mình bà M trả nợ. Ngân hàng yêu cầu nếu trường hợp tiền thu từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì yêu cầu thi hành án đối với nguồn thu, tài sản hợp pháp khác của bị đơn. Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ các Điều 131, 317. 323, 357, 463, 466, 468, 469. 470 của Bộ luật dân sự; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H5 số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đúng hạn các khoản nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 77, tờ bản đồ số 37; địa chỉ: Khu T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương số ĐĐ 561005, số vào sổ cấp giấy chứng nhận : CH00117 do UBND thành phố H cấp ngày 08/3/2022. Về án phí, chi phí tố tụng : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Về chi phí tố tụng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn, được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người làm chứng vắng mặt. Vì vậy Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo các Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền theo hợp đồng tín dụng, ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp. Do đó, Tòa án xác định quan hệ của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc và lãi:

3.1. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn thấy rằng: Giữa ông H4, bà M và Ngân hàng H7 có ký kết hợp đồng tín dụng số 10135/22MB/HĐTD ; bị đơn vay số tiền 800.000.000đ theo Hợp đồng trên là đúng sự thật. Khi vay hai bên đã thỏa thuận về lãi suất, thời hạn và phương thức trả nợ, đồng thời sau khi vay Ngân hàng cũng đã có sự điều chỉnh về lãi suất theo từng giai đoạn như đã nêu trên. Khoản vay đã phát sinh nợ quá hạn từ ngày 10/4/2023. Kể từ thời điểm quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đã thông báo, yêu cầu phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn có nguyện vọng đối trừ tài sản thế chấp vào khoản nợ gốc, nợ lãi hiện nay, nhưng Ngân hàng không đồng ý phương án do bị đơn đưa ra. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng đề nghị bà M, ông H4 trả số nợ gốc, lãi còn lại tính đến hết ngày 29/5/2025 là 1.150.405.319đ (trong đó nợ gốc là 799.999.925đ; nợ lãi trong hạn là 5.584.605đ; nợ lãi quá hạn là 344.820.789đ). Yêu cầu phía nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

3.2. Tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Lê Văn H4 ký kết với Ngân hàng H7, thời điểm khi ký kết với Ngân hàng ông H4, bà M có quan hệ là vợ chồng. Tuy ông H4, bà M đã ly hôn, bà M trình bày đây là nợ riêng của bà nhưng tại Quyết định của Tòa án chưa giải quyết về nợ chung, chưa có văn bản thỏa thuận giữa ông H4, bà M và Ngân hàng về việc xác định bà M là người thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, ông H4 có trách nhiệm liên đới cùng thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ liên quan Hợp đồng tín dụng nêu trên với bà M.

[4]. Liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản và đề nghị được phát mại tài sản thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của bị đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định toàn bộ tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp của bà M. Hợp đồng thế chấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục luật định, đã đăng ký giao dịch bảo

đảm. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 77, tờ bản đồ số 37; địa chỉ: Khu T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương; số ĐĐ 561005, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00117 do UBND thành phố H cấp ngày 08/3/2022. So với GCNQSD đất, diện tích đo thẩm định hiện trạng thửa 77 phù hợp diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy Tòa án xem xét chấp nhận cho phép trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại đối với tài sản thế chấp của bà M.

[5]. Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn đề nghị cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bà M, ông H4, nguồn thu khác nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ.

Xét nội dung này của nguyên đơn không được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp; mặt khác sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, quyền yêu cầu thi hành án là quyền của người được thi hành án, trình tự thủ tục được thực hiện theo Luật thi hành án dân sự, và cơ quan Thi hành án dân sự là cơ quan có thẩm quyền xem xét yêu cầu này của Ngân hàng. Do vậy tại bản án này, Tòa án chỉ tuyên chung nhất về quyền yêu cầu thi hành án của Ngân hàng mà không quyết định cụ thể nguyên đơn được quyền xử lý tài sản nào của bị đơn trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ.

[6]. Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn đã tạm ứng và tự nguyện chịu cả chi phí này, không đề nghị Tòa án xem xét về chi phí thẩm định, được Tòa án chấp nhận.

[7]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 117, 275, 280, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 91, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của

Thông đốc Ngân hàng N3 về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng; Nghị định 21 ngày 19/3/2021 về giao dịch bảo đảm; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố P- chi nhánh H6.

- Buộc bà Đặng Thị M, ông Lê Văn H4 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P- chi nhánh H6 theo Hợp đồng tín dụng số 10135/22MB/HĐTD ngày 07/4/2022, số tiền nợ gốc là 799.999.925đ và tiền lãi tính đến hết ngày 29/5/2025 là 1.150.405.319đ (trong đó nợ gốc là 799.999.925đ; nợ lãi trong hạn là 5.584.605đ; nợ lãi quá hạn là 344.820.789đ).

Bà M, ông H4 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2025 theo lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 10135/22MB/HĐTD ngày 07/4/2022 trên số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

- Trường hợp bà M, ông H4 không trả được hoặc không trả hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần thành phố P- chi nhánh H6 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 77, tờ bản đồ số 37; địa chỉ: Khu T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương; số ĐĐ 561005, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận : CH00117 do UBND thành phố H cấp ngày 08/3/2022, đứng tên bà Đặng Thị M. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 10135/22MB/HĐBĐ ngày 07/4/2022, đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 07/4/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản trên đất này để thu hồi nợ theo quy định.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản vẫn không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà M, ông H4 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P- chi nhánh H6. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm.

(có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án)

2. Về án phí: Bà M, ông H4 phải chịu 46.512.000đ (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người phải chịu 23.256.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần P- chi nhánh H6 20.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương theo biên lai số BLTU/23/0006015 ngày 06/12/2024.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng